

SỞ GD&ĐT TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT
VÕ NGUYỄN GIÁP
Số: 133/QĐ-VNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chiên Đàn, ngày 24 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của
Quy chế Chi tiêu nội bộ năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT VÕ NGUYỄN GIÁP

Căn cứ Quyết định 2375/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thành lập trường THPT Võ Nguyên Giáp;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND TP Đà Nẵng về việc tiếp nhận nguyên trạng các đơn vị sau khi hợp nhất Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Nam và Sở Giáo dục và Đào tạo TP Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/05/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-VNG ngày 25/01/2025 của Hiệu trưởng Trường THPT Võ Nguyên Giáp về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 132/NQ-VNG ngày 24/10/2025 của trường THPT Võ Nguyên Giáp tại hội nghị viên chức, người lao động năm học 2025-2026;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số điều Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 của trường THPT Võ Nguyên Giáp, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh Khoản 2 Điều 6 Mục I như sau: Định mức biên chế

Căn cứ chức năng nhiệm vụ và số lao động đã được Sở GD&ĐT thành phố Đà Nẵng giao theo quyết định số 653/QĐ-SGD&ĐT ngày 21/8/2025:

Tổng số CBGVNV hiện có: 55 người. Trong đó :

- Ban giám hiệu : 03 người

- Giáo viên : 45 người

- Nhân viên : 07 người (trong đó 04 biên chế, 03 hợp đồng theo NĐ 111/2022/NĐ-CP)

Thực hiện sắp xếp định mức, biên chế lao động theo Thông tư 20/2023/TT-BGDDT ngày 30/10/2023;

Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông được thực hiện theo Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 và các văn bản hướng dẫn hiện hành:

2. Điều chỉnh Khoản 1 Điều 8 Mục II: Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp

Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp (cấp bù học phí) của đơn vị được thực hiện theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 quy định chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ CPHT và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo (khoản 1 điều 20 NĐ238/2025/NĐ-CP).

3. Điều chỉnh Khoản 3 Điều 10: Tiền dạy tăng, dạy thay giờ

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/03/2025 quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

Căn cứ Thông tư 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23/9/2025 quy định chế độ tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

3.1 Định mức số tiết quy đổi cụ thể như sau:

a. Về dạy bồi dưỡng HSG khối 12 và các môn thi khác cấp tỉnh:

TT	Môn bồi dưỡng	Số tiết thực dạy	Hệ số	Số tiết được tính
I	Các môn văn hóa			
1	Toán	60	1,5	90
2	Lý	60	1,5	90
3	Hóa	60	1,5	90
4	Sinh	60	1,5	90
5	Tin	60	1,5	90
6	Ngữ văn	60	1,5	90
7	Lịch sử	60	1,5	90
8	Địa lý	60	1,5	90
9	GDKTPL	60	1,5	90
10	Tiếng Anh	60	1,5	90
II	Các môn khác			
11	Khoa học kỹ thuật	20	1,5	30
12	ITE hoặc OTE	20	1,5	30
13	Văn học - Học văn	20	1,5	30
14	Câu chuyện ĐĐPL	20	1,5	30
15	BD 1 môn dự thi giải thể thao	20	1,5	30
16	BD 1 môn dự thi Hội thao QP	20	1,5	30

Mỗi đội tuyển HSG 12 có tối đa 7 học sinh và không quá 3 GV phụ trách được phân công ngay từ đầu năm học và được phó hiệu trưởng chuyên môn xét duyệt.

b. Phụ đạo cho HS khối 12 thi TN THPT 2026:

- HK I chỉ tổ chức cho môn Toán với thời lượng 02 tiết/tuần/lớp.
- HK II sẽ tổ chức cho tất cả các môn với thời lượng 02 tiết/môn/tuần/lớp.

TT	Môn	Số học	Số lớp	Số tiết/lớp/tuần	Tổng số tiết	Tổng cộng
----	-----	--------	--------	------------------	--------------	-----------

		sinh dự kiến	dự kiến	<i>HKI</i>	<i>HKII</i>	<i>HKI (18 tuần)</i>	<i>HKII(17 tuần)</i>	
1	Toán	242	7	2	2	252	238	490
2	Văn	242	7	0	2	0	238	238
3	Lý	123	3	0	2	0	102	102
4	Hóa	85	2	0	2	0	68	68
5	Sinh	5	1	0	2	0	34	34
6	Tin	22	1	0	2	0	34	34
7	Sử	81	2	0	2	0	68	68
8	Địa	80	2	0	2	0	68	68
9	KTPL	7	1	0	2	0	34	34
10	T. Anh	48	2	0	2	0	68	68
11	CNNN	28	1	0	2	0	34	34
12	CNCN		0	0	0	0	0	0
Tổng cộng:								1.238

c. Đối với những hoạt động chuyên môn khác, hoạt động ngoại khóa, hội thi cấp trường/ cụm/ sở (trừ những nhiệm vụ đã được nhận tiền thù lao).

STT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Hệ số quy đổi/ tiết	Số tiết thực dạy	Tổng số tiết sau quy đổi
1	Báo cáo viên các buổi tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ theo KH của trường/ cấp cụm/ Sở	Tiết	1,5	Không quá 3 tiết/ buổi	Không quá 4,5 tiết
2	Dạy Hội giảng/minh họa SHCM cấp trường/ cấp cụm/ Sở theo Kh của cấp có thẩm quyền.	Tiết	1,5	Theo thực tế tiết dạy	
3	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (ngoài chương trình GDPT 2018), STEAM, STEM theo KH của nhà trường	Tiết	1	Không quá 3 tiết/ buổi	Không quá 3 tiết
4	Dạy/báo cáo ngoại khóa, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số cho học sinh	Tiết	1	Không quá 2 tiết/ buổi	Không quá 2 tiết

d. Những quy định khác:

- Đối với giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi, Phụ đạo cho HS khối 12 thi TN THPT 2026: Việc phân công giáo viên dạy do tổ trưởng chuyên môn (TTCM) chịu trách nhiệm (được Hiệu trưởng/phó hiệu trưởng chuyên môn phê duyệt). Căn cứ kế hoạch tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi hằng năm, TTCM tổ chức triển khai thực hiện, có thời khóa biểu và phải có sổ đầu bài ký xác nhận của giáo viên giảng dạy, kế toán căn cứ tiết dạy thực tế ghi trên sổ đầu bài và bảng kê khai giờ dạy để

chi trả (có xét duyệt của tổ trưởng chuyên môn và Phó hiệu trưởng CM, Hiệu trưởng để làm chứng từ thanh toán).

- Số tiết dạy bồi dưỡng HSG 12, Phụ đạo cho HS khối 12 thi TN THPT 2026, ... được tính cộng dồn vào số tiết dạy chính khóa. Nếu tổng số tiết dạy cao hơn số tiết chuẩn theo quy định thì phần số tiết chênh lệch đó được chi trả tiền dạy thêm giờ theo Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

- Tổng số tiết dạy thêm trong một năm học của nhà giáo được tính để trả tiền lương dạy thêm giờ không quá 200 tiết trừ trường hợp do môn học không thể bố trí đủ nhà giáo giảng dạy thì người đứng đầu cơ sở giáo dục phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền.

- Các nhiệm vụ đã nhận tiền thù lao hoặc tiền phụ cấp thì không được quy đổi thời gian thực hiện nhiệm vụ ra tiết dạy hoặc giảm định mức tiết dạy để tính tiền lương dạy thêm giờ trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Thời gian nhà giáo không trực tiếp tham gia giảng dạy nhưng được tính hoàn thành đủ số tiết dạy theo định mức quy định và được tính vào tổng số tiết dạy trong năm học của nhà giáo được thực hiện theo khoản 9 điều 3 thông tư 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23/9/2025.

3.2 Tổng số tiết dạy thêm trong một năm học: Được thực hiện theo điều 4 thông tư 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23/9/2025

3.3 Tiền lương dạy thêm giờ:

a. Tiền lương 01 tiết dạy của nhà giáo được xác định như sau:

$$\text{Tiền lương 01 tiết dạy} = \frac{\text{Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học}}{\text{Định mức tiết dạy/năm học}} \times \frac{\text{Số tuần giảng dạy (không bao gồm số tuần dự phòng)}}{52 \text{ tuần}}$$

b. Tiền lương 01 tiết dạy thêm = Tiền lương 01 tiết dạy x 150%.

c. Tiền lương dạy thêm giờ/năm học = Số tiết dạy thêm/năm học x Tiền lương 01 tiết dạy thêm.

d. Tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo công tác không đủ một năm học được thực hiện theo điều 6 thông tư 21/2025/TT-BGDĐT ngày 23/9/2025.

e. Định mức số tiền/ tiết dạy thêm giờ:

- Căn cứ dự toán NSNN được giao, trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí và tình hình thực tế tại đơn vị, định mức số tiền/ tiết dạy thêm giờ đã được quy định tại QCCTNB nhà trường ban hành theo Quyết định số 18/QĐ-VNG ngày 25/01/2025 là 75.000đ/ tiết.

- Thời điểm chi trả tiền lương dạy thêm giờ cho nhà giáo được thực hiện sau khi kết thúc năm học.

4. Bãi bỏ Khoản 12 Điều 10: Về chế độ chính sách đối với giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi.

5. Điều chỉnh Khoản 13 Điều 10: Các khoản đóng góp

Bãi bỏ nội dung tại gạch đầu dòng thứ 3: Trích nộp 2% Kinh phí công đoàn và trích trừ 1% tổng quỹ lương CBGVNV bổ sung vào quỹ công đoàn trường.

6. Điều chỉnh Khoản 3 Điều 11: Chi thông tin liên lạc

Mức thanh toán tiền cước sử dụng điện thoại cho mỗi máy của các phòng: Hiệu trưởng, Hiệu phó và Văn phòng không quá 300.000đ/tháng/1 máy. Không dùng điện thoại công để sử dụng vào mục đích cá nhân. Dịch vụ Internet sử dụng không quá 3.000.000 đồng/tháng và được thanh toán theo hoá đơn thực tế của nhà cung cấp, tuyệt đối không sử dụng vào mục đích cá nhân, phòng máy thực hành vì tính nếu sử dụng Internet giáo viên giảng dạy phải quản lý học sinh chặt chẽ học sinh trong quá trình sử dụng Internet.

7. Điều chỉnh bổ sung Khoản 5 Điều 11: Chi công tác phí

Thực hiện theo Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của BTC quy định chế độ CTP, chế độ chi hội nghị; Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017; Nghị Quyết số 20/NQ-HĐND Tỉnh Quảng Nam ngày ngày 19/7/2017 và Quyết định số 3407/2017/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Quảng Nam; Nghị quyết 10/2024/NQ-HĐND ngày 23/04/2024 sửa đổi điểm B khoản 2 điều 2 Nghị quyết 20/2017/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 gồm:

7.1 Thanh toán khoản tiền công tác phí theo tháng

- Khoản công tác phí cho cán bộ, nhân viên đi công tác lưu động thường xuyên trên 10 ngày/tháng áp dụng trong phạm vi đi công tác cách trụ sở cơ quan dưới 15km gồm: Hiệu trưởng, hiệu phó, kế toán, thủ quỹ, văn thư,, Tuỳ theo đối tượng, đặc điểm công tác và khả năng kinh phí mà thủ trưởng quyết định cho thanh toán hay không. Mức chi khoản không quá 500.000đ/1người/1 tháng. Cụ thể mức chi công tác phí khoản cho các chức danh:

- + Hiệu trưởng 500.000 đồng/tháng/người;
- + Phó hiệu trưởng 500.000 đồng/tháng/người;
- + P/T Kế toán 500.000 đồng/tháng/người;
- + Nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ: 500.000 đồng/tháng/người;

- Các đối tượng được hưởng khoản tiền công tác phí theo tháng nếu được cấp có thẩm quyền cử đi thực hiện nhiệm vụ theo các đợt công tác cụ thể, thì được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định tại quy chế này.

7.2 Thanh toán khoản công tác phí chuyển:

a. Thanh toán khoản tiền chi phí đi lại:

- Đối với trường hợp cán bộ, giáo viên, nhân viên khi đi công tác nhưng nếu tự túc phương tiện đi công tác đến nơi cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các xã còn lại) thì được thanh toán khoản tiền tự túc phương tiện đi công tác bằng 0,10 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác. Chỉ thực hiện khoản tiền tàu xe khi đi công tác trong thành phố. (có phụ lục số 01 kèm theo).

- Trường hợp cần thiết do yêu cầu đi công tác cần thiết phải bố trí ô tô cho các đối tượng không đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, điều 8 thông tư 04/2019/TT-BTC ngày 11/01/2019 thì hiệu trưởng xem xét quyết định .

- Trường hợp đi công tác ngoài thành phố thì phải có hoá đơn tàu, xe, vé máy bay theo đúng quy định, không thực hiện khoán phương tiện công tác.

b. Phụ cấp lưu trú:

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú: 250.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo.

- Đi công tác các vùng còn lại: 200.000 đồng/người/ngày

- Căn cứ tình hình tài chính thực tế tại đơn vị quy định mức chi hỗ trợ phụ cấp lưu trú đối với những viên chức đến công tác tại nơi đến có khoảng cách với đơn vị là từ 10km đến dưới 15km thì được chi phụ cấp lưu trú là 70.000 đồng/ngày, nếu đi công tác dài ngày từ trên 10 ngày trở lên thì thực hiện mức chi phụ cấp lưu trú 800.000 đồng/1 đợt.

c. Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác:

- Mức chi theo hình thức khoán cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và người lao động khi đi công tác cụ thể như sau:

+ Đi công tác ngoại tỉnh: Đi công tác ở các phường thuộc Thành phố trực thuộc trung ương (Hà Nội, Huế, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Cần Thơ): 350.000đ/ngày/người; Đi công tác ở các xã, phường còn lại: 300.000đ/ngày/người.

+ Đi công tác ở các xã/ phường thuộc thành phố Đà Nẵng (có phụ lục kèm theo)

++ Tại các phường: Hải Châu, Hoà Cường, Thanh Khê; An Khê, An Hải; Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn, Sơn Trà, Liên Chiểu, Hoà Khánh, Hoà Xuân, An Thắng, Hải Vân; Đặc khu Hoàng Sa, xã đảo Tam Hải, xã đảo Tân Hiệp thì được thanh toán theo mức : 350.000 đồng/ngày/người

++ Tại các phường còn lại: 300.000 đồng/ngày/người.

++ Tại các xã còn lại: 250.000 đồng/ngày/người;

- Mức chi theo hoá đơn thực tế: Trường hợp viên chức đi đến nơi công tác ở ngoại tỉnh mà mức khoán phòng nghỉ không đủ để thuê chỗ nghỉ thì được thanh toán theo giá thực tế phải có hóa đơn hợp pháp, mức chi cụ thể như sau:

+ Đi công tác ở các phường thuộc Thành phố trực thuộc trung ương (Hà Nội, Huế, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Cần Thơ): 700.000đ/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng.

+ Đi công tác ở các xã, phường còn lại: 600.000đ/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 02 người/phòng.

+ Người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 02 người/phòng nhưng đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ người hoặc lẻ người khác giới thì được thuê phòng riêng theo mức giá thuê thực tế nhưng tối đa không vượt mức thuê tiêu chuẩn 02 người/phòng;

e. Những quy định chung:

- Đối với những nơi đến công tác cách trụ sở cơ quan từ 80km trở lên thì số ngày công tác được tính thêm 01 ngày phụ cấp lưu trú và 01 đêm phòng nghỉ.

- Những trường hợp đi công tác theo giấy triệu tập có ghi đơn vị tổ chức có hỗ trợ tiền tàu xe, ăn, ở thì nhà trường không thanh toán những nội dung này.

Trường hợp đơn vị tổ chức hỗ trợ một trong các nội dung trên (tàu xe hoặc tiền ăn hoặc tiền ở) thì nhà trường sẽ thanh toán cho những nội dung chưa được hỗ trợ còn lại.

- Chứng từ làm căn cứ thanh toán tiền công tác phí là giấy đi đường có ký duyệt của thủ trưởng cơ quan, đơn vị cử cán bộ đi công tác (kèm theo đầy đủ quyết định hoặc giấy triệu tập ...để chứng minh nội dung đi công tác) và được ký đóng dấu ngày đến, ngày đi của đơn vị nơi viên chức đến công tác; hoá đơn tàu xe (nếu đi công tác ở ngoại tỉnh); hoá đơn tiền thuê phòng nghỉ nếu thanh toán theo thực tế

- Văn thư có trách nhiệm cấp giấy đi đường cho viên chức, người lao động đi công tác kèm theo quyết định, thư mời hoặc giấy triệu tập.

- Sau khi kết thúc chuyến công tác 03 ngày viên chức, người lao động nộp lại chứng từ thanh toán có đầy đủ thông tin cho kế toán tổng hợp.

- Chứng từ chi công tác phí được xem là không hợp lệ để thanh toán khi: Giấy đi đường không có ký xác nhận, đóng dấu của nơi đến công tác, không ký và ghi rõ họ tên của người đi công tác, bị tẩy xóa hoặc rách; Vé máy bay, vé tàu, xe, hóa đơn và chứng từ khác bị biến dạng, rách, không ghi ngày tháng, chứng từ bị tẩy xóa...chứng từ không có giấy tờ công tác minh chứng kèm theo.

8. Điều chỉnh bổ sung Điều 12: Chi thường xuyên khác:

- Sửa đổi nội dung tại gạch đầu dòng số 3: Chế độ cho học sinh tham dự các hội thi, cuộc thi do TP Đà Nẵng, Sở GDĐT, các Sở, ban ngành khác tổ chức như các kỳ thi học sinh giỏi, Văn học học Văn, Hội khỏe Phù Đổng và các môn thể thao... thì thanh toán mức tiền ăn, nước uống tham dự: Áp dụng theo chế độ phụ cấp lưu trú công tác phí nhưng không vượt quá mức quy định tại Quyết định số 3407/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam và quy định mức khoán chi cụ thể: Mức tiền ăn hỗ trợ cho mỗi học sinh dự thi không quá 180.000đ/HS/ngày tham dự tại các phường; 150.000 đồng/HS/ngày khi đi tham dự tại các xã. Trường hợp tham gia dự thi ngoài thành phố không quá 200.000 đồng/HS/ngày;

- Sửa đổi nội dung tại gạch đầu dòng số 4: Tiền thuê phòng trọ theo hóa đơn thực tế cho mỗi lần tham dự nhưng không vượt quá 300.000 đồng/phòng/02 HS/ngày khi đi tham dự tại các phường; Không vượt quá 250.000 đồng/phòng/02 HS/ngày khi đi tham dự tại các xã.

9. Điều chỉnh Điều 13: Chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định:

9.1 Bổ sung căn cứ thực hiện:

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

- Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Nghị định số 98//2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên NSNN để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hoá, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

- Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;
- Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/06/2025 của Thủ tướng Chính Phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị;
- Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
- Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Nghị quyết 03/2025/NQ-HĐND ngày 12/8/2025 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hoá, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng;
- Quyết định số 61/2025/QĐ-CTUBND ngày 10/10/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, khai thác và xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Đà Nẵng;

9.2 Bãi bỏ căn cứ:

Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015;

Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước; Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật Đấu thầu;

Quyết định 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về Ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Nam.

Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc ban hành quy định thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa trụ sở, nhà làm việc trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

9.3 Điều chỉnh kế hoạch mua sắm, sửa chữa năm 2025:

Căn cứ tình hình thực tế CSVN của nhà trường và nguồn kinh phí được giao đầu năm cùng với việc thay đổi bổ sung trụ sở làm việc mới (UBND thị trấn Phú Thịnh cũ) nên kế hoạch mua sắm, sửa chữa TSCĐ được điều chỉnh, bổ sung cụ thể như sau: (có phụ lục số 02 kèm theo)

Điều 2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung nêu tại Điều 1 có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác của Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025 được ban hành theo Quyết định số 18/QĐ-VNG ngày 25/01/2025 vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Ban giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn, các tổ ban, đoàn thể, kế toán; các đơn vị có liên quan và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- PGD số 5 KBNN khu vực XIII;
- Sở GDĐT;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC I
BẢNG KÊ KHOẢNG CÁCH ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số 133 /QĐ-VNG ngày 24 /10/2025 của Hiệu trưởng trường THPT Võ Nguyên Giáp)

TT	Tên trường	Địa chỉ/ phường	Khoảng cách km từ trường THPT Võ Nguyên Giáp đến các đơn vị			Nơi đến công tác được tính thêm 01 ngày đi đường (vừa đi và về)
			Đi	Về	Tổng cộng	
1	THPT Phan Châu Trinh	Phường Hải Châu	80	80	160	1
2	THPT Trần Phú	Phường Hải Châu	80	80	160	1
3	THPT Nguyễn Hiền	Phường Hoà Cường	82	82	164	1
4	THPT Hoà Vang	Phường Cẩm Lệ	81	81	162	1
5	THPT Ông Ích Khiêm	Xã Hoà Vang	77	77	154	
6	THPT Thái Phiên	Phường Thanh Khê	86	86	172	1
7	THPT Hoàng Hoa Thám	Phường An Hải	76	76	152	
8	THPT Ngô Quyền	Phường An Hải	77	77	154	
9	THPT Ngũ Hành Sơn	Phường Ngũ Hành Sơn	71	71	142	
10	THPT Nguyễn Trãi	Phường Liên Chiểu	88	88	176	1
11	THPT Phạm Phú Thứ	Phường Hoà Khánh	86	86	172	1
12	THPT Phan Thành Tài	phường Hòa Xuân	65	65	130	
13	THPT Tôn Thất Tùng	Phường An Hải	80	80	160	1
14	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Phường Hoà Khánh	86	86	172	1
15	THPT Thanh Khê	Phường Thanh Khê	88	88	176	1
16	THPT Cẩm Lệ	Phường Cẩm Lệ	81	81	162	1
17	THPT Liên Chiểu	Phường Hải Vân	90	90	180	1
18	THPT Võ Chí Công	Phường Ngũ Hành Sơn	66	66	132	
19	THPT Sơn Trà	phường An Hải	78	78	156	
20	THPT Nguyễn Văn Thoại	Phường Hòa Xuân	70	70	140	
21	THPT chuyên Lê Quý Đôn	phường An Hải	87	87	174	1
22	THCS - THPT Nguyễn Khuyến	Phường An Thắng	73	73	146	
23	THPT Âu Cơ	Sông Vàng	104	104	208	1
24	THPT Bắc Trà My	Xã Trà My	48	48	96	
25	THPT Cao Bá Quát	Xã Tam Anh	22	22	44	
26	THPT Chu Văn An	Xã Hà Nha	86	86	172	1
27	THPT Chuyên Lê Thánh Tông	phường Hội An Tây	49	49	98	
28	THPT Duy Tân	Phường Quảng Phú	18	18	36	
29	THPT Hoàng Diệu	Xã Điện Bàn Tây	47	47	94	
30	THPT Hùng Vương	Xã Thăng Điện	17	17	34	
31	THPT Huỳnh Thúc Kháng	Xã Tiên Phước	23	23	46	
32	THPT Huỳnh Ngọc Huệ	Xã Đại Lộc	69	69	138	
33	THPT Khâm Đức	Xã Khâm Đức	94	94	188	1
34	THPT Lê Hồng Phong	Xã Thu Bồn	74	74	148	
35	THPT Lương Thế Vinh	Phường Điện Bàn Đông	51	51	102	
36	THPT Lương Thúc Kỳ	Xã Đại Lộc	68	68	136	

37	THPT Lý Tự Trọng	Xã Đồng Dương	27	27	54	
38	THPT Nguyễn Duy Hiệu	phường Điện Bàn	47	47	94	
39	THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên	Xã Duy Xuyên	45	45	90	
40	THPT Nguyễn Huệ	Xã Núi Thành	35	35	70	
41	THPT Nguyễn Khuyến	Phường An Thắng	71	71	142	
42	THPT Nguyễn Thái Bình	Xã Thăng An	30	30	60	
43	THPT Nam Trà My	Xã Nam Trà My	94	94	188	1
44	THPT Nguyễn Trãi - Hội An	Phường Hội An Tây	55	55	110	
45	THPT Nguyễn Văn Cừ	phường Xuân Phú	33	33	66	
46	THPT Nguyễn Văn Trỗi	Xã La Dê	150	150	300	1
47	Trường THPT Tố Hữu	Xã Thạnh Mỹ	114	114	228	1
48	THPT Nông Sơn	xã Nông Sơn	73	73	146	
49	THPT Núi Thành	Xã Núi Thành	37	37	74	
50	THPT Phạm Phú Thứ - Gò Nổi	Xã Gò Nổi	48	48	96	
51	THPT Quế Sơn	Xã Quế Sơn	43	43	86	
52	THPT Sào Nam	Xã Nam Phước	41	41	82	
53	THPT Quang Trung - Đông Giang	Xã Đông Giang	96	96	192	1
54	THPT Thái Phiên - Thăng Bình	xã Thăng Bình	24	24	48	
55	THPT Tiểu La	Xã Thăng Bình	26	26	52	
56	THPT Trần Hưng Đạo	Phường Hội An Đông	54	54	108	
57	THPT Trần Quý Cáp	Phường Hội An	53	53	106	
58	THPT Trần Đại Nghĩa	Xã Quế Sơn	43	43	86	
59	THPT Đỗ Đăng Tuyển	Xã Phú Thuận	77	77	154	
60	THPT Hồ Nghinh	Xã Duy Nghĩa	40	40	80	
61	THPT Võ Chí Công – Hùng Sơn	Xã Hùng Sơn	220	220	440	1
62	THPT Hiệp Đức	Xã Hiệp Đức	42	42	84	
63	THPT Phan Châu Trinh - Tiên Phước	Xã Tiên Phước	24	24	48	
64	THPT Trần Phú - Việt An	Xã Việt An	30	30	60	
65	PT DTNT tỉnh Quảng Nam	Phường Hội An	48	48	96	
66	DTNT Nam Trà My	Xã Nam Trà My	94	94	188	1
67	DTNT Nước Oa	Xã Trà My	50	50	100	
68	DTNT Phước Sơn	Xã Khâm Đức	94	94	188	1
69	THPT Tây Giang	Xã Tây Giang	180	180	360	1
70	Trung tâm GDTX Số 1	Phường An Hải Nam	66	66	132	
71	Trung tâm GDTX Số 2	Phường Thanh Khê	69	69	138	
72	Trung tâm GDTX Số 3	Phường Cẩm Lệ	61	61	122	

* Ngoài các đơn vị, địa bàn đã quy định mức khoán cụ thể nêu trên, khi được cử đi công tác tại các đơn vị, địa bàn khác thì kế toán căn cứ số km thực tế để thanh toán.

Khi đi công tác ngoại tỉnh thì các cá nhân phải cung cấp hồ sơ thanh toán kèm theo hoá đơn tàu xe... để thanh toán (không thanh toán theo mức khoán nêu trên).

PHỤ LỤC II
DANH MỤC MUA SẮM, SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số 133/QĐ-VNG ngày 24/10/2025 của Hiệu trưởng trường THPT Võ Nguyên Giáp)

Đvt: 1.000đồng

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Giá dự toán
I	Không thay đổi				150.000
1	Lắp đặt hệ thống 13 Camera cho phòng học, nhà xe học sinh	Hệ thống	1	30.000	30.000
2	Sửa chữa hệ thống điện, nước đầu năm	gói	1	10.000	10.000
3	Bắt máy lạnh phòng Hội đồng, phòng nghỉ giáo viên	cái	7	10.000	70.000
4	Mua mới máy vi tính xách tay trang bị cho Văn phòng	cái	2	20.000	40.000
II	Điều chỉnh giảm				65.000
2	Lắp đặt 5 bóng đèn bảo vệ	Cái	5	3.000	15.000
3	Bảng đèn Led Hội trường	Cái	1	50.000	50.000
III	Điều chỉnh tăng				215.000
1	Sửa chữa hệ thống điện, ti vi, máy vi tính	gói	1	20.000	20.000
2	Bắt quạt treo tường cho phòng học, phòng làm việc	cái	40	380	15.200
3	Bắt mới ti vi phòng học	cái	7	8.000	56.000
4	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt	Hệ thống	1	20.000	20.000
5	Lắp đặt hệ thống wifi (trụ sở UBND cũ)	Hệ thống	1	13.500	13.500
6	Lăn sơn, chống thấm, chốt dột (trụ sở UBND cũ)	lần		15.000	15.000
7	Sửa chữa bàn ghế phòng nghe nhìn, Tháo dỡ vách ngăn phòng làm việc, công trụ sở làm việc, phòng hội trường, chi phí dọn dẹp, vận chuyển di dời phòng làm việc ...	gói	1	15.000	15.000
8	Trang bị phòng hội trường (búp đứng nói, búp để tượng bác, tượng bác, cờ, búa liềm...)	Hội trường	1	9.000	9.000
9	Máy lọc nước	cái	2	6.500	13.000
10	Lắp đặt bảng tên phòng, tên trường	gói	1	10.500	10.500
11	Lắp đặt hệ thống PCCC	Hệ thống	1	15.000	15.000
12	Các hạng mục khác phát sinh (dự phòng)				12.800
	Tổng cộng				300.000

Trong quá trình thực hiện, nếu có điều chỉnh bổ sung hạng mục mua sắm, sửa chữa thì Hiệu trưởng thông báo công khai trong cuộc họp HĐSP nhà trường.